**BẢNG SO SÁNH**

***Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư***

***kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng với quy định của pháp luật hiện hành***

| **STT** | **Ngành, nghề ĐTKD có điều kiện** | **Quy định hiện hành** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Nghị định 79/2016/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản** | | | |
| 1.1 | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư** | **Điều 3. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư**  Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thứcchuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư phải có đủ các điều kiện sau đây:  ~~1. Là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; có chức năng giáo dục nghề nghiệp hoặc đào tạo cao đẳng, đại học hoặc đào tạo sau đại học theo quy định của pháp luật.~~  ~~2. Có cơ sở vật chất, phòng học bảo đảm đủ chỗ ngồi cho học viên và có địa điểm để học viên thực hành về kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.~~  3. Có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành.  4~~. Có tổi thiểu 40% số giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn (có đóng bảo hiểm) trên tổng số giảng viên đăng ký tham gia giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.~~  5. Được Bộ Xây dựng hoặc các cơ quan được Bộ Xây dựng ủy quyền công nhận đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư. | **Điều 3. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư**  Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thứcchuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư phải có đủ các điều kiện sau đây:  1. Có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành.  2. Được Bộ Xây dựng hoặc các cơ quan được Bộ Xây dựng ủy quyền công nhận đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư. |  |
| 1.2 | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản** | **Điều 4. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng** **kiến thức hành nghề môi giới bất động sản**  Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thứchành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản phải có đủ các điều kiện sau đây:  ~~1. Là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; có chức năng giáo dục nghề nghiệp hoặc đào tạo cao đẳng, đại học hoặc đào tạo sau đại học theo quy định của pháp luật.~~  ~~2. Có cơ sở vật chất, phòng học bảo đảm đủ chỗ ngồi cho học viên và có địa điểm để học viên thực hành về kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản.~~  3. Có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành.  ~~4. Có tổi thiểu 30% số giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn (có đóng bảo hiểm) trên tổng số giảng viên đăng ký tham gia giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.~~ | **Điều 4. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng** **kiến thức hành nghề môi giới bất động sản**  Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản phải có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành. |  |
| **2** | **Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định 42/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP** | | | |
| 2.1 |  | **Điều 2. Giải thích từ ngữ (Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)** | **Bổ sung Khoản 15, Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP như sau**:  15. Chủ nhiệm thiết kế quy hoạch xây dựng, chủ nhiệm thiết kế xây dựng là người có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp và được cấp có thẩm quyền giao chịu trách nhiệm pháp lý và quản lý, điều phối thực hiện toàn bộ công việc chuyên môn.  16. Chủ trì là chức danh của cá nhân có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được tổ chức giao chịu trách nhiệm pháp lý và chuyên môn về lĩnh vực ghi trong chứng chỉ hành nghề, bao gồm: Chủ trì bộ môn chuyên ngành đồ án quy hoạch; Chủ trì thiết kế xây dựng; Chủ trì kiểm định xây dựng; Chủ trì định giá xây dựng; Giám sát trưởng; Chỉ huy trưởng công trường. |  |
| 2.2 | **Quy định chung về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** | **Điều 44. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp nếu hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam dưới 6 (sáu) tháng thì được công nhận hành nghề. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 (sáu) tháng trở lên, phải chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng *tại Bộ Xây dựng.*  4. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên toàn quốc, bao gồm cả việc ban hành mẫu các loại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định này.  5. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề:  a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I; ~~chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài;~~  b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III;  c) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp có đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho cá nhân là hội viên của Hội, đối với lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của mình theo quy định của Bộ Xây dựng. | **Điều 44. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**  2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp nếu hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam dưới 6 (sáu) tháng thi được công nhận hành nghề. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 (sáu) tháng trở lên, phải chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng ***tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Khoản 5 Điều này.***  *2a. Cá nhân chưa đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được tham gia các hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, không được đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thực hiện công việc.*  4. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên toàn quốc ***thông qua việc cấp và quản lý mã số chứng chỉ, ban hành mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định này,*** ***công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ, tổ chức thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trực tuyến.***  5. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề:  a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I;  b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III;  c) *Cơ quan Trung ương của Tổ chức xã hội - nghề nghiệp có phạm vi hoạt động trong toàn quốc và có điều lệ hoạt động được Bộ Nội vụ công nhận, có đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho cá nhân là hội viên của Hội, đối với lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động của mình theo quy định của Bộ Xây dựng.*  *6. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thành lập Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng để đánh giá cấp chứng chỉ.”* |  |
| 2.3 | **Quy định điều kiện chung để cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** | **Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng các điều kiện sau:  1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.  2. Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:  a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 7 (bảy) năm trở lên;  b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ *5 (năm) năm* trở lên;  c) Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ *3 (ba) năm* trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ *5 (năm) năm* trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.  3. Đạt yêu cầu sát hạch về ~~kinh nghiệm nghề~~ nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề. | **Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**  Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng các điều kiện sau:  1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.  2. Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:  a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 7 (bảy) năm trở lên;  b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ ***4 (bốn)*** năm trở lên;  c) Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ ***2 (hai) năm*** trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ ***3 (ba) năm*** trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.  ***3. Đạt yêu cầu sát hạch đối với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.*** |  |
| 2.4 | **Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng** | **Điều 46. Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng gồm:  a) Khảo sát địa hình;  b) Khảo sát địa chất, ~~địa chất thủy văn công trình.~~  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng phù hợp với loại hình khảo sát được quy định tại Điều 73 của Luật Xây dựng năm 2014 như sau:  a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất *1 (một)* dự án nhóm A hoặc *5 (năm) dự án nhóm B* hoặc ít nhất 2 (hai) *công trình cấp I* hoặc 3 (ba) *công trình cấp II*~~cùng loại~~;  b) Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 2 (hai) *dự án nhóm B* hoặc *5 (năm) dự án nhóm C* hoặc ít nhất 2 (hai) *công trình cấp II* hoặc 3 (ba) *công trình cấp III*~~cùng loại~~;  c) Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất *3 (ba) dự án nhóm C* hoặc ít nhất 2 (hai) *công trình cấp III* hoặc 3 (ba) *công trình cấp IV*~~cùng loại~~.  3. Phạm vi hoạt động khảo sát xây dựng:  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng tất cả các nhóm dự án, các cấp công trình cùng lĩnh vực và cùng loại công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm B, công trình cấp II trở xuống cùng lĩnh vực và cùng loại công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm C, công trình cấp III trở xuống cùng lĩnh vực và cùng loại công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. | **Điều 46. Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng gồm:  a) Khảo sát địa hình ***xây dựng***;  b) Khảo sát địa chất công trình.  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng phù hợp với loại hình khảo sát được quy định tại Điều 73 của Luật Xây dựng năm 2014 như sau:  a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất ***01 (một)*** dự án nhóm A hoặc ***2 (hai)*** dự án ***từ nhóm B trở lên*** hoặc ít nhất ***2 (hai)*** công trình ***từ cấp I trở lên*** hoặc ***3 (ba)*** công trình ***từ cấp II trở lên***;  b) Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất ***1 (một)*** dự án ***từ nhóm B trở lên*** hoặc ***2 (hai) dự án từ nhóm C trở lên*** hoặc ít nhất 2 (hai) công trình ***từ cấp II trở lên*** hoặc 3 (ba) công trình ***từ cấp III trở lên***;  c) Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất ***2 (hai)*** dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 2 (hai) công trình ***từ cấp III trở lên*** hoặc 3 (ba) công trình ***từ cấp IV trở lên***.  3. Phạm vi hoạt động khảo sát xây dựng:  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng tất cả các nhóm dự án, các cấp công trình cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm B, công trình cấp II trở xuống cùng lĩnh vực và cùng loại công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm C, công trình cấp III trở xuống cùng lĩnh vực và cùng loại công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề.” |  |
| 2.5 | **Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng** | **Điều 47. Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch hoặc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng sau:  a) Hạng I: Đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất *05 đồ án quy hoạch* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc *10 đồ án quy hoạch* (trong đó ít nhất *05 đồ án* là quy hoạch vùng hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các đồ án quy định tại điểm này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  b) Hạng II: Đã chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất *06 đồ án quy hoạch* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc *12 đồ án quy hoạch*~~(trong đó, ít nhất có 03 đồ án quy hoạch chung xây dựng xã)~~ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án quy định tại điểm này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  c) Hạng III: Đã tham gia thiết kế hoặc tham gia thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc *03 đồ án* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc *05 đồ án quy hoạch* thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án quy định tại điểm này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  2. Phạm vi hoạt động  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế các bộ môn chuyên ngành của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng;  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế các bộ môn chuyên ngành của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng, trừ chủ nhiệm các đồ án quy hoạch xây dựng vùng ~~liên tỉnh~~;  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ trì thiết kế các bộ môn chuyên ngành của các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện;  d) Các cá nhân chưa được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng được tham gia lập tất cả các loại đồ án quy hoạch theo đúng chuyên ngành của mình, không được đảm nhận các vai trò chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế. | **Điều 47. Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng**  1. Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề quy hoạch xây dựng phải có trình độ chuyên môn được đào tạo ***thuộc chuyên ngành kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị hoặc*** ***hạ tầng kỹ thuật hoặc chuyên ngành khác phù hợp*** và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng sau:  a) Hạng I: Đã làm ***chủ nhiệm hoặc chủ trì bộ môn chuyên ngành*** ít nhất ***01 đồ án*** quy hoạch ***xây dựng*** thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ***02 đồ án*** quy hoạch ***xây dựng*** (trong đó ít nhất ***01 đồ án*** là quy hoạch XD vùng và quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;  b) Hạng II: Đã làm ***chủ nhiệm hoặc*** ***chủ trì bộ môn chuyên ngành*** ít nhất ***01 đồ án*** quy hoạch ***xây dựng*** thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ***02 đồ án*** quy hoạch ***xây dựng*** thuộc thẩm quyền và đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;  c) Hạng III: Đã ***tham gia các bộ môn chuyên ngành*** ít nhất trong ***01 đồ án quy hoạch xây dựng*** thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ***02 đồ án*** quy hoạch ***xây dựng*** thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.  2. Phạm vi hoạt động  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết bộ môn chuyên ngành của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng;  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì bộ môn chuyên ngành của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng, trừ chủ nhiệm các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì bộ môn chuyên ngành các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện |  |
| 2.6 | **Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng** | **Điều 48. Chứng chỉ hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung một phần tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình bao gồm:  a) Thiết kế kiến trúc công trình;  b) Thiết kế kết cấu công trình;  c) Thiết kế điện - cơ điện công trình;  d) Thiết kế cấp - thoát nước;  ~~đ) Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;~~  ~~e) Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình.~~  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình:  a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 2 (hai) *công trình cấp II* và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất *1 (một)* công trình cấp I trở lên cùng loại với công trình *ghi trong* chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Đã làm chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất *5 (năm) công trình cấp III* và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất *1 (một) công trình cấp II trở lên* cùng loại với công trình *ghi trong* chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) *công trình cấp III* hoặc 5 (năm) *công trình cấp IV* cùng loại với công trình *ghi trong* chứng chỉ hành nghề,  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, ~~chủ trì~~ thẩm tra thiết kế các cấp công trình cùng loại đối với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. Được làm chủ nhiệm lập tất cả các nhóm dự án cùng loại dự án được cấp chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế công trình cấp II trở xuống cùng loại đối với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. Được làm chủ nhiệm lập dự án nhóm B, nhóm C cùng loại dự án được cấp chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế công trình cấp III, cấp IV cùng loại đối với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. Được làm chủ nhiệm lập dự án nhóm C cùng loại dự án được cấp chứng chỉ hành nghề. | **Điều 48. Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình bao gồm:  a) Thiết kế kiến trúc công trình;  b) ***Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;***  c) Thiết kế ***cơ - điện*** công trình;  d) Thiết kế cấp - thoát nước công trình;  ***đ) Thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều.***  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình:  a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ***ít nhất 01 (một) công trình từ cấp I trở lên hoặc*** ít nhất 02 (hai) công trình ***từ cấp II trở lên.***  b) Hạng II: Đã làm chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ***01 (một) công trình từ cấp II trở lên hoặc*** ít nhất ***2 (hai)*** công trình ***từ cấp III trở lên hoặc*** đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế ***phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba)*** công trình ***từ cấp II trở lên*** cùng loại với công trình ***đề nghị cấp*** chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình ***từ cấp III trở lên*** hoặc 5 (năm) công trình ***từ cấp IV trở lên*** cùng loại với công trình ***đề nghị cấp*** chứng chỉ hành nghề.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chủ nhiệm ***đồ án thiết kế***, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế ***bộ môn chuyên ngành*** của ***tất cả*** các cấp công trình cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề.  b) Hạng II: Được làm chủ nhiệm ***đồ án thiết kế***, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế ***bộ môn chuyên ngành của*** công trình từ cấp II trở xuống cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm chủ nhiệm ***đồ án thiết kế***, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế ***bộ môn chuyên ngành của*** công trình cấp III, cấp IV cùng loại đối với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. |  |
| 2.7 | **Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình** | **Điều 49. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung một phần tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng:  a) Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;  b) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;  ~~c) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.~~  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng :  a) Hạng I: Đã làm giám sát trưởng hoặc *đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;*  b) Hạng II: Đã làm giám sát trưởng *hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;*  c) Hạng III: *Đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp III hoặc 02 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề*  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm giám sát trưởng, trực tiếp giám sát thi công xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm giám sát trưởng, trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình từ cấp II trở xuống, tham gia giám sát một số phần việc của công trình cấp I cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm giám sát trưởng, trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình từ cấp III trở xuống, tham gia giám sát một số phần việc của công trình cấp II cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề. | **Điều 49. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng**  1. Các lĩnh vực cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng bao gồm:  a) Giám sát công tác xây dựng bao gồm:  - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;  - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;  - Giám sát công tác xây dựng công trình thủy lợi, đê điều.  b) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị.  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng:  a) Hạng I: Đã làm giám sát trưởng ***hoặc chỉ huy trưởng hoặc chủ trì thiết kế*** đối với công việc liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình ***từ cấp I trở lên*** hoặc 02 công trình ***từ cấp II trở lên*** cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Đã làm giám sát trưởng ***hoặc chỉ huy trưởng hoặc chủ trì thiết kế*** phần việc liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Đã trực tiếp giám sát thi công hoặc ***tham gia thiết kế hoặc thi công*** phần việc liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm giám sát trưởng, giám sát viên ***lĩnh vực*** thi công xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm giám sát trưởng công trình từ cấp II trở xuống, ***được làm giám sát viên lĩnh vực*** thi công xây dựng ***tất cả các cấp công trình cùng loại được ghi trong chứng chỉ hành nghề;***  c) Hạng III: Được làm giám sát trưởng công trình từ cấp III trở xuống, ***được làm giám sát viên lĩnh vực*** thi công xây dựng ***tất cả các cấp công trình cùng loại được ghi trong chứng chỉ hành nghề.*** |  |
| 2.8 | **Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng** | **Điều 50. Chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng:  a) Hạng I: Đã làm chủ trì kiểm định hoặc chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Đã làm chủ trì kiểm định hoặc chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Đã tham gia kiểm định hoặc tham gia thiết kế ít nhất 02 công trình cấp III hoặc 03 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.  2. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chủ trì kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình tất cả các cấp cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm chủ trì kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;  b) Hạng II: Được làm chủ trì kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình từ cấp II trở xuống cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm chủ trì kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;  c) Hạng III: Được làm chủ trì kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình cấp III, cấp IV cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm chủ trì kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng | ***Điều 50. Điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng***  1. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì kiểm định xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:  a) Hạng I: Đã có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng hạng I hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu, thiết kế xây dựng hạng I và đã làm chủ trì kiểm định xây dựng của ít nhất 01 (một) công trình cấp I hoặc 02 (hai) công trình cấp II cùng loại;  b) Hạng II: Đã có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng hạng II hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu, thiết kế xây dựng hạng II và đã làm chủ trì kiểm định xây dựng của ít nhất 01 (một) công trình cấp II hoặc 02 (hai) công trình cấp III cùng loại;  c) Hạng III: Đã có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng hạng III hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu, thiết kế xây dựng hạng III hoặc đã tham gia kiểm định xây dựng của ít nhất 01 (một) công trình cấp I hoặc 02 (hai) công trình cấp II cùng loại.  2. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại.  b) Hạng II: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng công trình cùng loại từ cấp II trở xuống;  c) Hạng III: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng công trình cùng loại cấp *III, cấp IV* |  |
| 2.9 | **Quy định về chứng chỉ hành nghề an toàn lao động trong xây dựng** | **Điều 51. Chứng chỉ hành nghề an toàn lao động trong xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  Cá nhân phụ trách công tác an toàn lao động hoặc làm cán bộ chuyên trách về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình tuân thủ quy định về điều kiện hành nghề của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động | **Đề nghị bỏ đề thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng trong thời gian sắp tới** |  |
| 2.10 | **Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng** | **Điều 52. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng được chủ trì thực hiện các công việc về quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm:  a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;  b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;  c) Đo bóc khối lượng;  d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;  đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;  e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;  g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng:  a) Hạng I: Đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm A hoặc 3 (ba) dự án nhóm B hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp I hoặc 5 (năm) công trình cấp II;  b) Hạng II: Đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 3 (ba) dự án nhóm C hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 3 (ba) công trình cấp II hoặc 10 (mười) công trình cấp III;  c) Hạng III: Đã tham gia lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 10 (mười) công trình cấp IV.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được chủ trì thực hiện tư vấn định giá xây dựng không phân biệt nhóm dự án và cấp công trình xây dựng;  b) Hạng II: Được chủ trì thực hiện tư vấn định giá xây dựng dự án từ nhóm B trở xuống và công trình từ cấp I trở xuống;  c) Hạng III: Được chủ trì thực hiện tư vấn định giá xây dựng dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và công trình từ cấp II trở xuống. | **Điều 52. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng**  1. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng được chủ trì thực hiện các công việc về quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm:  a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;  b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;  c) Đo bóc khối lượng;  d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;  đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;  e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;  g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.  2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng:  a) Hạng I: Đã ***chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng*** của ít nhất ***1 (một) dự án nhóm A*** hoặc ***2 (hai) dự án từ nhóm B trở lên*** hoặc ***1 (một)*** công trình cấp I hoặc ***2 (hai) công trình từ cấp II trở lên*** ***và đã có chứng chỉ kỹ sư định giá hạng II.***  b) Hạng II: Đã ***chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng*** của ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc ***2 (hai) dự án từ nhóm C trở lên*** hoặc ***1 (một)*** công trình cấp II hoặc ***2 (hai) công trình từ cấp III trở lên*** ***và đã có chứng chỉ kỹ sư định giá hạng III.***  c) Hạng III: Đã tham gia ***thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng*** của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc ***1 (một)*** công trình cấp III trở lên hoặc ***2 (hai) công trình từ cấp IV trở lên***.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được chủ trì thực hiện tư vấn ***quản lý chi phí đầu tư*** xây dựng không phân biệt ***loại***, nhóm dự án và ***loại***, cấp công trình xây dựng;  b) Hạng II: Được chủ trì thực hiện tư vấn ***quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại*** dự án từ nhóm B trở xuống và ***các loại*** công trình từ cấp I trở xuống;  c) Hạng III: Được chủ trì thực hiện tư vấn ***quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại*** dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và ***các loại*** công trình từ cấp II trở xuống |  |
| 2.11 | **Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình** | **Điều 53. Điều kiện đối với chỉ huy trưởng công trường** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:  a) Hạng I: Có chứng chỉ hành nghề ~~tư vấn~~ giám sát thi công xây dựng hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động hạng I; đã làm chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại;  b) Hạng II: Có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng *hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động hạng II*; đã làm chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại;  c) Hạng III: Có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng *hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động* hạng III; đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 (hai) công trình cấp IV cùng loại.  2. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chỉ huy trưởng công trường mọi cấp công trình cùng loại;  b) Hạng II: Được làm chỉ huy trưởng công trường trong đó có công trình cấp II cùng loại trở xuống;  c) Hạng III: Được làm chỉ huy trưởng công trường trong đó có công trình cấp III, cấp IV cùng loại. | **Điều 53. Điều kiện đối với chỉ huy trưởng công trường**  1. Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:  a) Hạng I: Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình từ cấp II trở lên cùng loại;  b) Hạng II: Có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng II hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc **2 (hai) công trình từ cấp III trở lên** cùng loại;  c) Hạng III: Có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng **hoặc** đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 (hai) công trình từ cấp IV trở lên cùng loại.  2. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm chỉ huy trưởng công trường tất cả các cấp công trình cùng loại;  b) Hạng II: Được làm chỉ huy trưởng công trường trong đó có công trình ***từ*** cấp II cùng loại trở xuống;  c) Hạng III: Được làm chỉ huy trưởng công trường trong đó có công trình cấp III, cấp IV cùng loại. |  |
| 2.12 | **Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng** | **Điều 54. Điều kiện năng lực đối với giám đốc quản lý dự án** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Cá nhân đảm nhận chức danh Giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án phù hợp với loại và quy mô dự án theo quy định tại Điều này.  2. Cá nhân có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án khi đáp ứng các điều kiện tương ứng với mỗi hạng dưới đây:  a) Hạng I: Đã làm Giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B cùng loại;  b) Hạng II: Đã làm Giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C cùng loại;  c) Hạng III: Đã ~~trực tiếp~~ tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm C cùng loại.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm Giám đốc quản lý dự án tất cả các nhóm dự án tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm Giám đốc quản lý dự án nhóm B, nhóm C tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm Giám đốc quản lý dự án nhóm C và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề. | **Điều 54. Chứng chỉ hành nghề quản lý dự án**  1. Cá nhân đảm nhận chức danh Giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án phù hợp với loại và quy mô dự án theo quy định tại Điều này.  2. Cá nhân có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành xây dựng ***hoặc chuyên ngành kỹ thuật*** phù hợp với yêu cầu của dự án được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án khi đáp ứng các điều kiện tương ứng với mỗi hạng dưới đây:  a) Hạng I: Đã làm Giám đốc quản lý dự án của ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B cùng loại trở lên ***hoặc có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng hạng I và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B cùng loại trở lên.***  b) Hạng II: Đã làm Giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên ***hoặc có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng hạng II và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.***  c) Hạng III: Đã ***tham gia*** quản lý dự án của ***ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên***.  3. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được làm Giám đốc quản lý dự án tất cả các nhóm dự án tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  b) Hạng II: Được làm Giám đốc quản lý dự án nhóm B, nhóm C tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề;  c) Hạng III: Được làm Giám đốc quản lý dự án nhóm C ***và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng*** tương ứng với loại dự án được ghi trong chứng chỉ hành nghề. |  |
| 2.13 | **Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** | **Điều 55. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng gồm các tài liệu sau:  1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu quy định của Bộ Xây dựng.  2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ *bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ* do *cơ sở hợp pháp* cấp.  3. ~~Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu quy định của Bộ Xây dựng kèm theo~~ bản sao *các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân* đã tham gia thực hiện các công việc liên quan đến nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. *Người* kê khai phải chịu trách nhiệm về sự trung thực và tính chính xác của nội dung kê khai. | **Điều 55. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**  *1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề bao gồm các tài liệu sau:*  *a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số ... Nghị định này kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng.*  *b) Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp.*  *c) Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân đã tham gia thực hiện các công việc* ***(đối với cá nhân hành nghề độc lập)*** *hoặc văn bản phân công thực hiện công việc (giao nhiệm vụ) của cơ quan, tổ chức cho cá nhân liên quan đến nội dung kê khai.*  *2. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề, thành phần hồ sơ bao gồm các tài liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều này liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung và tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ hành nghề cũ trừ trường hợp cấp lại do mất chứng chỉ.*  *3. Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề, thành phần hồ sơ bao gồm tại liệu theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này kèm theo tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ hành nghề cũ trừ trường hợp cấp lại do mất chứng chỉ* |  |
| 2.14 | **Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** | **Điều 56. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Nội dung sát hạch gồm 2 phần liên quan đến nội dung hành nghề:  a) Phần về kiến thức chuyên môn;  b) Phần về kiến thức pháp luật.  2. Tổ chức sát hạch:  a) Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thành lập Hội đồng để thực hiện công tác sát hạch;  b) Thành phần Hội đồng sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề gồm: Đại diện cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề là Chủ tịch hội đồng và là thường trực hội đồng; đại diện của hội nghề nghiệp có liên quan; chuyên gia có trình độ chuyên môn cao thuộc lĩnh vực sát hạch do Chủ tịch hội đồng mời;  c) Bộ Xây dựng thống nhất quản lý chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong cả nước thông qua việc cấp và quản lý số chứng chỉ hành nghề; công khai danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của mình.  3. Bộ Xây dựng quy định chi tiết về Hội đồng sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề; hình thức, thời gian, nội dung sát hạch cấp và cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. | **Điều 56. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**  *1. Hội đồng* ***xét cấp chứng chỉ hành nghề tổ chức*** *thực hiện công tác sát hạch. Nội dung sát hạch gồm 2 phần liên quan đến nội dung hành nghề:*  *a) Phần về* ***kinh nghiệm nghề nghiệp****;*  *b) Phần về kiến thức pháp luật.*  ***2. Bộ Xây dựng quy định chi tiết về việc xây dựng, cập nhật bộ câu hỏi phục vụ sát hạch và tổ chức thực hiện công tác sát hạch*** |  |
| 2.15 | **Quy định chung về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng** | ***Điều 57. Quy định chung về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng*** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Tổ chức khi tham gia các lĩnh vực sau đây phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  a) Khảo sát xây dựng;  b) Lập quy hoạch xây dựng;  c) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;  ~~d) Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;~~  đ) Tư vấn quản lý dự án;  e) Thi công xây dựng công trình;  g) Giám sát thi công xây dựng;  h) Kiểm định xây dựng;  ~~i) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.~~  2. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  a) *Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;*  b) ~~Những~~ cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng;  c) Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.  3. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có hiệu lực tối đa trong thời hạn 05 năm. Tổ chức phải làm thủ tục cấp lại *khi chứng chỉ năng lực hết hiệu lực hoặc khi có nhu cầu. Trường hợp có thay đổi nội dung chứng chỉ năng lực phải làm thủ tục cấp lại trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có thay đổi.*  4. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trên toàn quốc thông qua việc cấp, quản lý mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; công khai danh sách tổ chức được cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của mình. | ***Điều 57. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng***  1. Tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực sau đây phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định:  a) Khảo sát xây dựng baogồm: ***Khảo sát địa hình xây dựng; Khảo sát địa chất công trình***.  b) Lập quy hoạch xây dựng.  c) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình baogồm:Thiết kế kiến trúc công trình; ***Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;*** Thiết kế ***cơ - điện*** công trình;Thiết kế cấp - thoát nước công trình; ***Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế công trình thủy lợi, đê điều.***  d) Tư vấn quản lý dự án ***đầu tư xây dựng***;  đ) Thi công xây dựng công trình;  e) Giám sát thi công xây dựng***;***  *g) Kiểm định xây dựng;*  *h) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*  *2. Tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều này phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.*  3. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  ***Là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng tham gia hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật.***  4. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có hiệu lực tối đa trong thời hạn 05 năm. Tổ chức phải làm thủ tục cấp lại ***hoặc điều chỉnh, bổ sung*** khi chứng chỉ năng lực hết hiệu lực ***hoặc có những điều chỉnh, bổ sung làm thay đổi hạng năng lực của chứng chỉ đã được cấp*** hoặc khi có nhu cầu.  5. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trên toàn quốc thông qua việc cấp, quản lý mã số chứng chỉ; công khai danh sách tổ chức được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của mình; ***tổ chức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trực tuyến.*** |  |
| 2.16 | **Thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng** | **Điều 58. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu *quy định của Bộ Xây dựng*;  b) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức;  c) *Bản kê khai danh sách, kinh nghiệm kèm theo chứng chỉ hành nghề, hợp đồng lao động của những cá nhân chủ chốt theo mẫu;*  ~~d) Bản kê khai theo mẫu về kinh nghiệm của tổ chức ít nhất 3 (ba) công việc tiêu biểu trong thời gian gần nhất cho mỗi lĩnh vực liên quan đến nội dung đăng ký;~~  ~~đ) Bản kê khai năng lực tài chính; máy, thiết bị, phần mềm máy tính theo yêu cầu đối với từng lĩnh vực đăng ký;~~  *e) Quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký.*  2. Thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  a) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I;  b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.  3. Bộ Xây dựng quy định chi tiết về hồ sơ; mẫu chứng chỉ; phương thức, quy trình đánh giá cấp mới, cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng. | **Điều 58. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**  1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng bao gồm:  a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu ***tại Phụ lục số … Nghị định này***;  b) Tệp tin chứa ảnh chụp màu từ bản chínhgiấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức;  c) Tệp tin chứa ảnh chụp màu từ ***bản chính văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc bản kê mã số chứng chỉ hành nghề (trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014) và hợp đồng lao động của những cá nhân chủ chốt theo mẫu tại Phụ lục số ... Nghị định này;***  2. Thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:  a) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I;  b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với tổ chức, ***chi nhánh của tổ chức*** được thành lập tại địa phương.  ***3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực thành lập Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng để đánh giá cấp chứng chỉ***  4. Bộ Xây dựng quy định chi tiết về mẫu chứng chỉ; phương thức, quy trình đánh giá cấp mới, cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng |  |
| 2.17 | **Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng** | **Điều 59. Chứng chỉ năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng I phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  b) Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm A; 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) công trình cấp II trở lên cùng loại hình khảo sát.  2. Hạng II:  a) Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  b) Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.  3. Hạng III:  a) Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  b) Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được thực hiện khảo sát xây dựng tất cả các dự án và cấp công trình cùng loại;  b) Hạng II: Được thực hiện khảo sát xây dựng dự án đến nhóm B, công trình đến cấp II cùng loại;  c) Hạng III: Được thực hiện khảo sát xây dựng dự án đến nhóm C, công trình đến cấp III cùng loại. | **Điều 59. Chứng chỉ năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng**  ***1. Tổ chức khảo sát xây dựng được cấp chứng chỉ năng lực khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.***  2. Điều kiện chung:  a) Có phòng thí nghiệm hoặc có văn bản thỏa thuận ***hoặc*** hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm với phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng được công nhận theo quy định.  b) Có máy móc, thiết bị hoặc có khả năng huy động máy móc thiết bị phục vụ công việc khảo sát của lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.  3. Điều kiện đối với các hạng năng lực:  a) Hạng I:  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng I phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân ***phụ trách kỹ thuật*** có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  b) Hạng II:  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân phụ trách kỹ thuật có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  c) Hạng III:  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân phụ trách kỹ thuật có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được thực hiện khảo sát xây dựng tất cả các dự án và cấp công trình cùng loại hình khảo sát;  b) Hạng II: Được thực hiện khảo sát xây dựng dự án đến nhóm B, công trình đến cấp II cùng loại hình khảo sát;  c) Hạng III: Được thực hiện khảo sát xây dựng dự án đến nhóm C, công trình đến cấp III cùng loại hình khảo sát. |  |
| 2.18 | **Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng** | **Điều 60. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng I; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  b) Có ít nhất 30 (ba mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;  c) Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại I hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.  2. Hạng II:  a) Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  b) Có ít nhất 20 (hai mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;  c) Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.  3. Hạng III:  a) Có ít nhất 5 (năm) người có có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng III; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  b) Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng;  b) Hạng II: Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II trở xuống, quy hoạch khu chức năng đặc thù cấp tỉnh, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch xây dựng nông thôn;  c) Hạng III: Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng đô thị loại IV trở xuống, quy hoạch khu chức năng đặc thù cấp huyện, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch xây dựng nông thôn. | **Điều 60. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng**  *1. Điều kiện đối với các hạng năng lực:*  *a) Hạng I:*  *- Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc, quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành HTKT khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.*  *- Đã thực hiện lập và được phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, liên tỉnh hoặc đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại I hoặc đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù cấp quốc gia.*  *b) Hạng II:*  *- Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc, quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành HTKT khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.*  *- Đã thực hiện lập và được phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, liên huyện hoặc đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II, loại III hoặc đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù hoặc đồ án QHPK, QHCT được UBND cấp tỉnh phê duyệt.*  *c) Hạng III:*  *Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc, quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành HTKT khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.*  *2. Phạm vi hoạt động:*  *a) Hạng I: Được lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng;*  *b) Hạng II: Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng trừ các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của thủ tướng Chính phủ.*  *c) Hạng III: Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng do UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt trừ các đồ án quan trọng thuộc diện đồ án phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng theo quy định pháp luật.* |  |
| 2.19 | **Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng** | **Điều 61. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) *Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng I phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng I phù hợp với công việc đảm nhận;*  b) Có ít nhất *15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại.  2. Hạng II:  a) *Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng II phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;*  b) Có ít nhất *10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.  3. Hạng III:  a) *Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ thiết kế hạng III phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;*  b) Có ít nhất *5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được thiết kế và thẩm tra thiết kế công trình cùng loại các cấp;  b) Hạng II: Được thiết kế và thẩm tra thiết kế công trình cùng loại cấp II trở xuống;  c) Hạng III: Được thiết kế và thẩm tra thiết kế công trình cùng loại cấp III trở xuống. | **Điều 61. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thiết kế xây dựng công trình**  *1. Điều kiện đối với các hạng năng lực:*  *a) Hạng I:*  *- Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn của đồ án thiết kế có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.*  *- Cá nhân trực tiếp thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;*  *- Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình từ cấp I, cấp II trở lên cùng loại.*  *b) Hạng II:*  *- Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn**của đồ án thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.*  *- Cá nhân trực tiếp thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;*  *- Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình cấp II, cấp III trở lên cùng loại.*  *c) Hạng III:*  *- Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn của đồ án thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;*  *- Cá nhân trực tiếp thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.*  *4. Phạm vi hoạt động:*  *a) Hạng I: Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng,* ***kiểm định xây dựng*** *tất cả các cấp công trình cùng loại.*  *b) Hạng II: Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng,* ***kiểm định xây dựng các*** *công trình cùng loại từ cấp II trở xuống.*  *c) Hạng III: Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng,* ***kiểm định xây dựng các công trình cùng loại từ*** *cấp III trở xuống*. |  |
| 2.20 | **~~Kinh doanh dịch vụ lập, thẩm tra xây dựng dự án đầu tư xây dựng~~** | **~~Điều 62. Chứng chỉ năng lực của tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng~~** ~~(~~**~~Nghị định 59/2015/NĐ-CP)~~** | BÃI BỎ VÌ KHÔNG NẰM TRONG DANH MỤC CỦA LUẬT SỐ 03/2016/QH14 |  |
| 2.21 | **Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng** | **Điều 63. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) *Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm A;*  b) *Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn* phải có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *20 (hai mươi) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  d) Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm A hoặc 2 (hai) *dự án nhóm B* cùng loại.  2. Hạng II:  a) *Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;*  b) *Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn* phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  d) Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.  3. Hạng III:  a) *Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại*;  b) *Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn* phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được quản lý các dự án cùng loại;  b) Hạng II: Được quản lý các dự án nhóm B cùng loại trở xuống;  c) Hạng III: Được quản lý các dự án nhóm C và các công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. | **Điều 63. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án**  1. Điều kiện đối với các hạng năng lực:  a) Hạng I:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án hạng I phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt hoặc đứng đầu bộ phận quản lý lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng I;  - Cá nhân phụ trách kỹ thuật có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Đã thực hiện quản lý dự án nhóm A, dự án nhóm B cùng loại.  b) Hạng II:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt hoặc đứng đầu bộ phận quản lý lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên;  - Cá nhân phụ trách kỹ thuật có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Đã thực hiện quản lý dự án nhóm B, dự án nhóm C trở lên cùng loại.  c) Hạng III:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt hoặc đứng đầu bộ phận quản lý lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên;  - Cá nhân phụ trách kỹ thuật có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  2. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được quản lý các dự án cùng loại;  b) Hạng II: Được quản lý dự án cùng loại từ nhóm B trở xuống;  c) Hạng III: Được quản lý dự án cùng loại từ nhóm C và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. |  |
| 2.22 | **Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng** | **Điều 64. Điều kiện năng lực đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước:  a) Giám đốc quản lý dự án phải đáp ứng điều kiện năng lực quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định này;  b) Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với quy mô dự án, cấp công trình và công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *20 (hai mươi) người* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án chuyên ngành.  2. Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:  a) Giám đốc quản lý dự án phải đáp ứng điều kiện năng lực quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định này;  b) *Những người* phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp quy mô dự án, cấp công trình và với công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *10 (mười) người* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án chuyên ngành.  3. Ban quản lý dự án một dự án:  a) Giám đốc quản lý dự án phải đáp ứng điều kiện năng lực quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định này;  b) *Những người* phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với quy mô dự án, cấp công trình và công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *10 (mười) người* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án được giao quản lý. | **Điều 64. Điều kiện năng lực đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng**  Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; ban quản lý dự án một dự án:  1. Giám đốc quản lý dự án phải đáp ứng điều kiện năng lực quy định tại *Khoản 2 Điều 54* Nghị định này;  2. Cá nhân chủ chốt phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp với quy mô dự án, cấp công trình và công việc đảm nhận. |  |
| 2.23 | **Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình** | **Điều 65. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) Có *ít nhất 3 (ba) người* đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng I cùng loại công trình xây dựng;  b) *Những người* phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm đối với trình độ đại học, 5 (năm) năm đối với trình độ cao đẳng nghề;  c) Có ít nhất *15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;  d) Có ít nhất 30 (ba mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  đ) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;  e) Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại.  2. Hạng II:  a) Có *ít nhất 2 (hai) người* đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng II cùng loại công trình xây dựng;  b) *Những người* phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm;  c) Có ít nhất *10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;  d) Có ít nhất 20 (hai mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  đ) Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.  3. Hạng III:  a) *Có ít nhất 1 (một) người* đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng III cùng loại công trình xây dựng;  b) *Những người* phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ nghề phù hợp với công việc đảm nhận;  c) Có ít nhất *5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;  d) Có ít nhất 5 (năm) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được thi công xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại;  b) Hạng II: Được thi công xây dựng công trình từ cấp II trở xuống cùng loại;  c) Hạng III: Được thi công xây dựng công trình từ cấp III trở xuống cùng loại. | **Điều 65. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình**  1. Điều kiện đối với các hạng năng lực:  a) Hạng I:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  - Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm đối với trình độ đại học, 5 (năm) năm đối với trình độ cao đẳng nghề;  - Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;  - Đã trực tiếp thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của công trình từ cấp I, cấp II trở lên cùng loại.  b) Hạng II:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  - Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 1 (một) năm đối với trình độ đại học, 3 (ba) năm đối với trình độ cao đẳng nghề;  - Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;  - Đã trực tiếp thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của công trình cấp II, cấp III trở lên cùng loại.  c) Hạng III:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;  - Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận;  - Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.  2. Phạm vi hoạt động:  - Hạng I: Được thi công xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại;  - Hạng II: Được thi công xây dựng công trình từ cấp II trở xuống cùng loại;  - Hạng III: Được thi công xây dựng công trình từ cấp III trở xuống cùng loại.” |  |
| 2.24 | **Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình** | **Điều 66. Chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) *Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;*  b) Có ít nhất *15 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình* có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã giám sát thi công xây dựng ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  2. Hạng II:  a) Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  b) Có ít nhất 15 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  c) Đã giám sát thi công xây dựng ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  3. Hạng III:  a) Có ít nhất 05 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  b) Có ít nhất 10 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được giám sát thi công xây dựng công trình tất cả các cấp cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực;  b) Hạng II: Được giám sát thi công xây dựng các công trình từ cấp II trở xuống cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực;  c) Hạng III: Được giám sát thi công xây dựng các công trình từ cấp III trở xuống cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực”. | **Điều 66. Chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng**  1. Điều kiện đối với các hạng năng lực:  a) Hạng I:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân phụ trách lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm đối với trình độ đại học, 5 (năm) năm đối với trình độ cao đẳng nghề;  - Đã giám sát thi công xây dựng công trình cấp I, cấp II trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  b) Hạng II:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân phụ trách lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 1 (một) năm đối với trình độ đại học, 3 (ba) năm đối với trình độ cao đẳng nghề;  - Đã giám sát thi công xây dựng công trình từ cấp II, cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.  c) Hạng III:  - Cá nhân chủ chốt đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  - Cá nhân phụ trách lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.  2. Phạm vi hoạt động:  - Hạng I: Được giám sát thi công xây dựng công trình tất cả các cấp cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực;  - Hạng II: Được giám sát thi công xây dựng các công trình từ cấp II trở xuống cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực;  - Hạng III: Được giám sát thi công xây dựng các công trình từ cấp III trở xuống cùng loại được ghi trong chứng chỉ năng lực. |  |
| 2.25 | **Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng** | **Điều 66a. Chứng chỉ năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng** (**Điều 66 Nghị định 59/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung toàn bộ tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) Có ít nhất *10 người* có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng I phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  ~~b) Có ít nhất 15 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức kiểm định xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;~~  c) Đã thực hiện kiểm định xây dựng ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại.  2. Hạng II:  a) Có ít nhất *10 người* có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  ~~b) Có ít nhất 10 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức kiểm định xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;~~  c) Đã thực hiện kiểm định xây dựng ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại.  3. Hạng III:  a) Có ít nhất *05 người* có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;  ~~b) Có ít nhất 05 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức kiểm định xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.~~  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình tất cả các cấp cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;  b) Hạng II: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình từ cấp II trở xuống cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;  c) Hạng III: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình cấp III, cấp IV cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng. | ***Điều 66a. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng***  *1. Tổ chức tham gia hoạt động kiểm định xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:*  *a) Hạng I:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng hạng I.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp loại công trình thực hiện kiểm định xây dựng;*  *- Đã thực hiện kiểm định xây dựng của 01 (một) công trình cấp I hoặc 02 (hai) công trình cấp II cùng loại.*  *b) Hạng II:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng hạng II.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp loại công trình thực hiện kiểm định xây dựng;*  *- Đã thực hiện kiểm định xây dựng của 01 (một) công trình cấp II hoặc 02 (hai) công trình cấp III cùng loại.*  *c) Hạng III:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng hạng III.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp loại công trình thực hiện kiểm định xây dựng;*  *2. Phạm vi hoạt động:*  *a) Hạng I: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình tất cả các cấp cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;*  *b) Hạng II: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình từ cấp II trở xuống cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng;*  *c) Hạng III: Được kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của bộ phận, công trình cấp III, cấp IV cùng loại với công trình được ghi trong chứng chỉ năng lực; được kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng.* |  |
| 2.26 | **Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng** | **Điều 67. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Hạng I:  a) Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I;  b) Có ít nhất 15 (mười lăm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  c) Đã thực hiện quản lý chi phí ít nhất 2 (hai) dự án nhóm A hoặc 5 (năm) dự án nhóm B.  2. Hạng II:  a) Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II;  b) Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.  3. Hạng III:  a) Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III;  b) Có ít nhất 5 (năm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.  4. Phạm vi hoạt động:  a) Hạng I: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với tất cả các dự án;  b) Hạng II: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm B trở xuống;  c) Hạng III: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm C và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. | ***Điều 67. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng***  *1. Tổ chức tham gia hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:*  *a) Hạng I:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*  *- Đã thực hiện quản lý chi phí của 01 (một) dự án nhóm A hoặc 02 (hai) dự án nhóm B.*  *b) Hạng II:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*  *- Đã thực hiện quản lý chi phí của 01 (một) dự án nhóm B hoặc 02 (hai) dự án nhóm C.*  *c) Hạng III:*  *- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III.*  *- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí của tổ chức phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*  *2. Phạm vi hoạt động:*  *a) Hạng I: được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với tất cả các dự án;*  *b) Hạng II: được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án từ nhóm B trở xuống;*  *c) Hạng III: được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án nhóm C và các dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.* |  |
| 2.27 | **~~Kinh doanh dịch vụ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình~~** | **~~Điều 68. Điều kiện của tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng~~** ~~(~~**~~Nghị định 59/2015/NĐ-CP)~~** | BÃI BỎ VÌ KHÔNG NẰM TRONG DANH MỤC CỦA LUẬT SỐ 03/2016/QH14 |  |
| 2.28 | **Quy định về đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng** | **Điều 69. Đăng tải thông tin về năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  1. Các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của mình tới cơ quan chuyên môn về xây dựng để đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử do cơ quan này quản lý. Thẩm quyền tiếp nhận và đăng tải thông tin được quy định như sau:  a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng: ~~Tiếp nhận,~~ đăng tải thông tin của tổ chức, cá nhân *tham gia hoạt động xây dựng đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, công trình cấp I trở lên; tổ chức có 100% vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là người nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam; tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương, Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;*  b) Sở Xây dựng: ~~Tiếp nhận,~~ đăng tải thông tin của *tổ chức tham gia hoạt động xây dựng có địa chỉ trụ sở chính tại địa phương do minh quản lý và cá nhân do mình cấp chứng chỉ hành nghề (trừ những tổ chức, cá nhân quy định tại Điểm a Khoản này).*  ~~2. Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng tải của các tổ chức, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm xem xét, thẩm định và đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trên Trang thông tin điện tử theo phân cấp quản lý.~~ | **Điều 69. Đăng tải thông tin về năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng**  1. Thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức hoạt động xây dựng đã được cấp chứng chỉ năng lực phải được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.  2. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng có trách nhiệm đăng tải thông tin năng lực của tổ chức do mình cấp chứng chỉ lên trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời cập nhật thông tin năng lực hoạt động xây dựng lên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng,  3. Bộ Xây dựng quy định chi tiết quy trình đăng tải thông tin năng lực về hoạt động xây dựng. |  |
| 2.29 | **Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài** | **Điều 71. Điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng** (**Nghị định 59/2015/NĐ-CP)**  ~~1. Nhà thầu nước ngoài tham gia các hoạt động xây dựng quy định tại Khoản 3 Điều 69 Nghị định này phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp.~~  2. Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.  3. Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;  b) Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.  4. Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.  5. Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam. | **Điều 71. Điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng**  1. Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.  2. Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;  b) Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.  3. Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.  4. Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam. |  |
| **3** | **Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 05/12/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị** | | | |
|  | **~~Kinh doanh dịch vụ quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, cây xanh~~** | **~~Điều 22 về điều kiện đối với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị~~** | BÃI BỎ VÌ KHÔNG NẰM TRONG DANH MỤC CỦA LUẬT SỐ 03/2016/QH14 |  |
| **4** | **Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị** | | | |
|  | **~~Kinh doanh dịch vụ quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, cây xanh~~** | **~~Điều 19 về điều kiện đối với đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh~~** | BÃI BỎ VÌ KHÔNG NẰM TRONG DANH MỤC CỦA LUẬT SỐ 03/2016/QH14 |  |
| **5** | **Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng** | | | |
|  |  | **~~Điều 27 về điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch trong lĩnh vực vật liệu xây dựng~~** | BÃI BỎ VÌ KHÔNG NẰM TRONG DANH MỤC CỦA LUẬT SỐ 03/2016/QH14 |  |